

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Bản án số: **21**/2020/DS-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v: “T/c hợp đồng mua bán hàng
hóa và T/c hợp đồng vay tài sản”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Nguyễn Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ,
tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLST-**DS** ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (mua bán cám) và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-DS ngày 13/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-DS ngày 08/9/2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Truyền A, sinh năm 1978 và bà Đỗ Thị Hồng B, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (vắng mặt)

+Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Quốc Q, sinh năm 1984; địa chỉ: 19 Võ Oanh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

-Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Yên C, sinh năm 1971 và ông Trần Văn D, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: tổ 2, ấp 2, xã 3, huyện 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày trình bày:

+Về vay tài sản: Ngày 15/9/2019 bà C, ông D vay của vợ chồng ông A và bà B số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất là 3%/tháng, mục đích để mua con giống và mua cám, thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận miệng với nhau là khi vợ chồng ông D xuất chuồng bán vịt hoặc khi vợ chồng ông A cần thì báo trước khoảng 01 tháng.

Tuy nhiên đến đầu năm 2020 nguyên đơn có nhu cầu thu hồi vốn nhưng bị đơn cứ khất lần không trả gốc và lãi cho nguyên đơn.

+Về mua bán cám: Từ ngày 15/8/2018 đến ngày 07/9/2019 bị đơn nhiều lần mua cám vịt của nguyên đơn; hai bên thỏa thuận miệng với nhau bị đơn mua cám của nguyên đơn cho vịt ăn theo hình thức gỏi đầu, cứ lấy đợt cám sau thì thanh toán tiền đợt mua cám đợt trước, hoặc đến khi xuất chuồng xong bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền cám đã mua cho nguyên đơn. Khi cần mua cám, bị đơn điện thoại cho nguyên đơn đặt hàng, sau đó nguyên đơn liên hệ công ty cám đặt số lượng, địa điểm giao hàng, trước và sau khi giao công ty sẽ thông báo cho nguyên đơn biết, sau khi giao xong nguyên đơn liên hệ với bị đơn để xác nhận số lượng cám giao nhận, hai bên tự ghi vào sổ theo dõi để chốt sổ với nhau.

Từ ngày 15/8/2019 đến ngày 7/9/2019 bị đơn mua cám của nguyên đơn nhiều lần, nhưng ngày 15/9/2019 hai bên đã chốt sổ với nhau số tiền đã mua là 195.000.000 đồng, bị đơn đã trả được 95.000.000 đồng và làm giấy xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng và xin khất vì dịch bệnh đàn vịt giảm, chưa có lãi để trả và được nguyên đơn đồng ý.

Từ ngày 06/3/2020 đến ngày 23/4/2020 bị đơn tiếp tục mua cám của nguyên đơn nhiều lần, cụ thể:

Ngày 06/3/2020, loại cám: Nhất A 50 bao x 305.000đồng/bao = 15.250.000 đồng;

Ngày 12/3/2020, loại cám: Nhất A 79 bao x 305.000đồng/bao = 24.095.000 đồng;

Ngày 19/3/2020, loại cám: Nhất A 61 bao x 305.000đồng/bao = 18.605.000 đồng;

Ngày 01/4/2020, loại cám: Nhất A 85 bao x 305.000đồng/bao = 25.925.000 đồng;

Ngày 04/4/2020, loại cám: Nhất A 45 bao x 305.000đồng/bao = 13.725.000 đồng;

Ngày 10/4/2020, loại cám: Nhất A 100 bao x 305.000đồng/bao = 30.500.000 đồng;

Ngày 23/4/2020, loại cám: Nhất A 80 bao x 305.000đồng/bao = 24.400.000 đồng.

Tổng số tiền mua cám chưa chốt sổ với nhau là 152.500.000 đồng.

Trước khi hòa giải tại ấp Phước Lộc, ngày 23/6/2020 thì hai bên có ngồi lại để chốt sổ với nhau; tuy nhiên ông D đang lập văn bản để xác nhận nợ thì bà C nói ra, nói vô nên ông D đã xé bỏ tờ giấy xác nhận nợ với ông nguyên đơn; sau đó bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 2.500.000 rồi bỏ về.

Như vậy, tổng số tiền cám bị đơn còn nợ nguyên đơn là 250.000.000 đồng;

Tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 450.000.000 đồng (200.000.000 đồng tiền vay và 250.000.000 đồng tiền mua cám còn nợ).

Nguyên đơn ông A và bà B yêu cầu bị đơn ông D và bà C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 450.000.000 đồng.

-Bị đơn bà Huỳnh Thị Yến C và ông Trần Văn D trình bày:

-Về vay nợ:

Ngày 15/9/2019 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng đến nay vẫn còn nợ 200.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày là đúng; chữ viết tại giấy vay nợ này do bị đơn tự viết, không bị ai ép buộc.

-Về mua bán cám:

+Bị đơn thừa nhận giữa bị đơn và nguyên đơn có thỏa thuận mua bán cám với nhau theo hình thức gởi đầu như nguyên đơn trình bày là đúng; mỗi lần bị đơn cần mua số lượng cám bao nhiêu, loại cám gì thì điện thoại báo nguyên đơn, sau đó nguyên đơn cho xe của nhà máy chở tới giao, giao xong nguyên đơn gọi điện cho bị đơn xác nhận số lượng hàng đã nhận rồi hẹn ngày chốt sổ với nhau; hai bên tự ghi vào sổ của mình để theo dõi đối chiếu, khi mua cũng như khi trả tiền không ký nhận vào sổ của nhau, bị đơn cũng không ký vào sổ của xe đã giao hàng.

+Từ ngày 15/8/2018 đến ngày 07/9/2019 bị đơn có mua cám vịt của nguyên đơn nhiều lần, số tiền mua cám chốt sổ với nhau là 195.000.000 đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 95.000.000 đồng và làm giấy xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng và đến nay vẫn còn nợ.

+Từ ngày 06/3/2020 đến ngày 23/4/2020 bị đơn tiếp tục mua cám nhất A của nguyên đơn 07 lần, giá 305.000 đồng/bao như nguyên đơn trình bày.

Tổng số tiền cám mua 07 lần này là 152.500.000 đồng; tuy nhiên bị đơn đã trả xong cho nguyên đơn, hiện nay bị đơn không còn nợ; khi trả chỉ hai bên biết

với nhau, không có ai khác chứng kiến cũng không lập giấy xác nhận đã giao trả hay ký vào sổ của nhau.

Đối với đợt mua cám ngày 10/4/2020 bị đơn mua là 100 bao, nhưng do cám bị lỗi (cám không bị ẩm, mốc nhưng bị hôi) khiến vịt bị đơn bị chết, bị giảm đàn nên bị đơn báo nguyên đơn đến thu hồi và đền bù cám cho bị đơn; sau đó bị đơn đến thu lại 20 bao nên mới tính tiền 80 bao, vì 80 bao bị đơn đã cho vịt ăn hết. Sau đó nguyên đơn cho xe chở giao bù cho bị đơn 100 bao mà cám bị hư trước đó phải thu hồi nhưng chúng tôi cho vịt ăn được 20 bao thì vịt không ăn nữa nên chúng tôi trả lại cho nguyên đơn 80 bao; khi trả không lập thành văn bản và không có ai chứng kiến.

-Tại phiên hòa giải ngày 08/9/2020 và tại phiên tòa ông D, bà C trình bày:

Từ ngày 15/8/2018 đến ngày 10/9/2019 tổng cộng còn nợ nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng, nhưng trước đó đã trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 9/3/2019 nên chỉ còn nợ 300.000.000 đồng (Trong đó 200.000.000 đồng đóng lãi, còn lại 100.000.000 đồng không đóng lãi).

+Từ ngày 06/3/2020 đến ngày 23/4/2020 bị đơn tiếp tục mua cám của nguyên đơn 07 lần (gồm các ngày: 06/3, 12/3, 19/3, 01/4, 04/4, 10/4, và 23/4/2020) như người đại diện của nguyên đơn trình bày.

Tổng số tiền cám bị đơn mua từ ngày 06/3/2020 đến ngày 10/4/2020 (06 lần) là 128.100.000 đồng, do lần mua thứ 7 (ngày 23/4/2020) nhưng ngày 22/4/2020 đã trả về cho nguyên đơn; tuy nhiên bị đơn đã trả xong cho nguyên đơn số tiền mua cám từ ngày 06/3/2020 đến ngày 23/4/2020, hiện nay bị đơn không còn nợ, khi trả chỉ hai bên biết với nhau, không có ai khác chứng kiến cũng không lập giấy xác nhận đã giao trả hay ký vào sổ của nhau.

Ngày chốt sổ là đối chiếu số tiền còn thiếu, không phải đối chiếu số nợ của tất cả những lần đã mua cám với nhau. Vì theo thỏa thuận thì lấy cám đợt sau thì trả tiền đợt trước; cứ trước khi giao đợt cám mới là nguyên đơn đến lấy tiền đợt mua cám trước, không để thiếu nhiều đợt mới lấy tiền.

Ông D, bà C xác định chỉ còn nợ ông A, bà B số tiền mua cám là 300.000.000 đồng; yêu cầu được trả dần số tiền còn nợ mỗi tháng trả 5.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Yêu cầu nguyên đơn trừ đi số tiền cám bị hư 100 bao, tương đương số tiền 30.500.000 đồng;

-Ngày 16/9/2020 ông D và bà C có đơn phản tố: Yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền 281.650.000 đồng, bao gồm:

Số tiền 70.000.000 đồng do số vịt 500 con bỏ ăn và chết (140.000 đồng/con);

Số tiền 124.200.000 đồng thiệt hại do đàn vịt đẻ giảm sản lượng trứng (2.700 trứng x 2.300 đồng/trứng x 20 ngày);

Số tiền 11.200.000 đồng tiền thuốc chữa trị do đàn vịt ăn cám kém chất lượng;

Số tiền 45.750.000 đồng chi phí phục hồi đàn vịt (10/ngày x 15 ngày x 305.000 đồng/bao cám)

Số tiền 30.500.000 đồng là tiền cám lỗi ngày 10/4/2020 (100 bao x 305.000 đồng/bao)

-Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 10/4/2020 có bán cho bị đơn 100 bao cám, nhưng khi ăn hết 80 bao bị đơn mới báo cám bị lỗi (bị hôi) vịt không ăn, nguyên đơn tới cùng bị đơn kiểm tra thì cám không bị ẩm, mốc nhưng vì uy tín ăn cám lâu với nhau nên nguyên đơn vẫn đồng ý thu hồi để giao bù cám khác; ngày 15/4/2020 nguyên đơn cho xe giao 80 bao cám khác, bị đơn nhận và cho vịt ăn được 20 bao thì kêu chúng tôi đến trả lại 60 bao, ngày 22/4/2020 nguyên đơn nhận lại 60 bao; đến ngày 23/4/2020 bị đơn đặt mua mới của nguyên đơn 80 bao. Như vậy 20 bao cám trả lại của đợt ngày 10/4/2020 đã được nguyên đơn bù bằng 20 bao cám khác, còn 80 bao ngày 10/4/2020 bị đơn đã sử dụng hết nên không đồng ý trừ vào số tiền bị đơn còn nợ.

Theo đơn phản tố bị đơn nộp có xác nhận của 02 người bán cám vào các ngày 15 và 20/4/2020 (cho thấy cùng lúc bị đơn ăn cám của nhiều người); như vậy lý do bị đơn cho rằng cám lỗi là do ăn cám của người khác, không phải do cám lỗi.

-Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản bác và yêu cầu phản tố.

-Về tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:

+Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: Các biên bản lấy lời khai, Biên bản phiên họp, phiên hòa giải.

+Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: 01 Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao), Giấy mượn tiền ngày 15/9/2019 (bản chính), Giấy xác nhận nợ cám ngày 15/9/2019 (bản chính), Giấy tay ghi nợ (bản phô tô), Biên bản hòa giải cơ sở (bản chính).

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

+Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo quy định của BLTTDS, tuy nhiên Thẩm phán chưa làm rõ số cám, số tiền theo lời khai của các bên và số cám bị đơn thực nhận.

+Về nội dung: Có căn cứ buộc bị đơn phải trả số tiền cám 420 bao cám trị giá 128.100 đồng cho nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường số tiền 281.650.000 đồng; do yêu cầu này của bị đơn sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên căn cứ Điều 200 BLTTDS không có căn cứ xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

[1.1] **Về thẩm quyền giải quyết:** Theo đơn khởi kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt: BLTTDS) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

[1.2] **Về thời hiệu khởi kiện:** Theo quy định tại Điều 155 và Điều 429 Bộ Luật dân sự (viết tắt: BLDS) thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng là 03 năm..., nên ông A, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng là còn trong thời hiệu.

[1.3] **Về quan hệ pháp luật:** Nguyên đơn lấy cám từ cơ sở sản xuất về bán lại cho bị đơn, bị đơn mua cám về chăn nuôi vịt, đồng thời vay tiền để đầu tư con giống và mua cám; nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ vay và nợ mua cám. Căn cứ khoản 2 Điều 26 BLTTDS, HĐXX xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (mua bán cám) và Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thụ lý và giải quyết theo trình tự vụ án dân sự.

[1.4] **Về áp dụng pháp luật:** Nguyên đơn và bị đơn thực hiện giao dịch dân sự với nhau từ năm 2019 là thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật

nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 và các quy định khác của BLDS 2015 để giải quyết vụ án.

[1.5] **Về yêu cầu phản tố:** Ngày 16/9/2020 ông D và bà C có yêu cầu phản tố theo quy định điều 200, Điều 202 BLTTDS “*bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*” và thủ tục được thực hiện như thủ tục khởi kiện, tức phải nộp tạm ứng án phí nếu đủ điều kiện. Do đó HĐXX không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D và bà C trong vụ án này; bà C, ông D có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định tại Điều 73 BLTTDS.

[2] **Về yêu cầu của nguyên đơn:**

[2.1] **Về hợp đồng vay tài sản:** Ngày 15/9/2019 bị đơn tự tay lập văn bản “giấy mượn tiền” của nguyên đơn thể hiện: Số tiền vay là 200.000.000 đồng, lãi suất vay 3%/tháng, mục đích vay là mua vịt và ăn cám, hình thức vay là tiền mặt, nhưng không thể hiện thời hạn vay, hình thức thanh toán và ngày trả nợ cuối.

Tuy hai bên thỏa thuận lãi suất vượt quá quy định của pháp luật, nhưng việc ký kết hợp đồng vay tài sản hai bên là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 401, 463, 465, 466, 468 và 469 BLDS nên có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn đã nhiều lần thông báo trả nợ, đồng thời nhờ ban áp hòa giải trả nợ nhưng bị đơn không trả; do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ số tiền 200.000.000 đồng đã vay là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] **Về hợp đồng mua bán cám:** Tại phiên hòa giải ngày 10/8/2020 và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận: Giữa hai bên có hợp đồng miệng về mua bán cám với nhau, nguyên đơn cho bị đơn mua theo hình thức gói đầu, khi mua cám lần sau thì phải thanh toán số tiền cám đã mua lần trước đó hoặc đến khi bán trứng hoặc xuất chuồng bán vịt; khi giao cám và khi trả tiền không ký nhận vào sổ của nhau. Đối với số cám mua từ ngày 15/8/2018 đến ngày 07/9/2019 số tiền mua cám là 195.000.000 đồng, ngày 15/9/2019 hai bên đã chốt sổ với nhau, bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 95.000.000 đồng và làm giấy xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, nhưng đến nay chưa trả cho nguyên đơn.

Từ ngày 06/3/2020 đến ngày 23/4/2020 bị đơn tiếp tục mua cám của nguyên đơn 07 lần (500 bao) vào các ngày: 06/3, 12/3, 19/3, 01/4, 04/4, 10/4, và

ngày 23/4/2020 như nguyên đơn trình bày. Tổng số tiền cám mua 07 lần này là 152.500.000 đồng; bị đơn đã trả xong cho nguyên đơn, hiện nay không còn nợ.

HĐXX thấy rằng, hợp đồng mua bán, hình thức mua hàng, loại hàng, giá hàng, thanh toán tiền mua hàng và đối chiếu nợ đã được hai bên xác nhận với nhau tại phiên hòa giải, theo đó bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng của đợt mua hàng từ ngày 15/8 đến ngày 07/9/2020 và xin trả dần hàng tháng; riêng số tiền mua cám từ ngày 06/3 đến ngày 23/4/2020 là 152.500.000 đồng đã trả xong cho nguyên đơn. Việc giữa hai bên khi mua bán không lập thành văn bản là không rõ ràng; bị đơn thừa nhận hợp đồng miệng và các lần mua hàng, loại cám, giá cám và số tiền còn nợ, nhưng cho rằng đã trả xong cho nguyên đơn; do đó bị đơn có nghĩa vụ chứng minh cho lập luận của mình; việc bị đơn không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phản bác của mình nên có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

HĐXX xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà ông D và bà C trả cho nguyên đơn số tiền mua cám còn nợ là 250.000.000 đồng.

[3] **Về lập luận của các bên:** Tại phiên hòa giải lần thứ nhất khi được công khai và tiếp cận tài liệu chứng cứ là giấy vay nợ ngày 15/9/2019 và giấy xác nhận nợ cám ngày 15/9/2020, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền vay là 200.000.000 đồng và còn nợ nguyên đơn tiền mua cám từ ngày 15/8/2018 đến ngày 10/9/2019 là 100.000.000 đồng; tuy nhiên đến ngày 8/9/2020 bị đơn thay đổi lời thừa nhận, cho rằng số tiền vay ngày 15/9/2019 là tiền nợ mua cám từ ngày 15/8/2018 đến ngày 10/9/2019.

Cũng tại phiên hòa giải ngày 10/8/2020 bị đơn thừa nhận từ ngày 06/3/2020 đến ngày 23/4/2020 bị đơn tiếp tục mua cám của nguyên đơn 07 lần vào các ngày: 06/3, 12/3, 19/3, 01/4, 04/4, 10/4 và ngày 23/4/2020 với tổng số tiền như nguyên đơn trình bày, nhưng đã trả xong cho nguyên đơn vì theo thỏa thuận cứ lấy cám đợt sau thì trả tiền mua cám đợt trước, hai bên không để nợ nhiều lần mới thanh toán với nhau. Lập luận của bị đơn là mâu thuẫn với chính lời khai của bị đơn là còn nợ tiền mua cám của nguyên đơn từ ngày 15/8/2018 đến ngày 10/9/2019;

Bị đơn cho rằng từ ngày 06/3/2020 đến ngày 23/4/2020 là 07 lần (500 bao), số tiền mua cám là 152.500.000 đồng và đã trả xong cho nguyên đơn; tuy nhiên sau đó bị đơn cho rằng từ ngày 06/3/2020 đến ngày 23/4/2020 chỉ mua 06 lần với số tiền là 128.100.0000 đồng và đã trả xong cho nguyên đơn; riêng ngày

10/4/2020 bị đơn mua 100 bao cám nhưng do cám bị lỗi nên ngày 22/4/2020 nguyên đơn đã thu hồi lại; từ ngày 06/3/2020 đến ngày 23/4/2020 bị đơn chỉ cho vịt ăn cám của nguyên đơn, không lấy cám của ai khác. Tuy nhiên có lúc bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua cám 100.000.000 đồng (BL 33), có lúc lại cho rằng còn nợ nguyên đơn số tiền mua cám là 300.000.000 đồng (BL 38), đồng thời tại đơn phản tố ngày 15/9/2020 và lời khai tại phiên tòa thì bị đơn mua cám của người khác cho vịt ăn vào ngày 15/4/2020 và ngày 20/4/2020; như vậy việc bị đơn cho rằng lấy cám đợt sau đã trả xong lần mua trước và không cho vịt ăn cám của ai khác là không chính xác, đồng thời lập luận của bị đơn mâu thuẫn với lời thừa nhận của bị đơn tại phiên hòa giải là mua cám của bị đơn 7 lần vào các ngày như nguyên đơn trình bày.

Nguyên đơn cho rằng ngày 10/4/2020 có bán cho bị đơn 100 bao cám, sau đó bị đơn cho vịt ăn hết 80 bao thì kêu nguyên đơn đổi lại cho 20 bao, ngày 15/4/2020 nguyên đơn giao cho bị đơn 80 bao, khi hòa giải bị đơn đã thừa nhận số cám 80 bao ngày 23/4/2020 là cám mua đợt mới chứ không phải cám trả lại, việc nguyên đơn thu lại 20 bao nhưng đã giao bù cho bị đơn 20 bao nên không chấp nhận trừ theo yêu cầu của bị đơn.

Thấy rằng bị đơn mua cám ngày 23/4/2020 nhưng cho rằng đã trả lại ngày 22/4/2020 là mâu thuẫn, sau ngày 23/4/2020 không mua thêm đợt cám nào khác nhưng cho rằng đã trả xong cho nguyên đơn là mâu thuẫn, bị đơn lập luận cho rằng cứ mua cám đợt sau thì trả tiền đợt mua trước nhưng lại cho rằng còn nợ bị đơn tiền mua cám 300.000.000 đồng là mâu thuẫn với chính lời khai, lời thừa nhận của bị đơn nên không có căn cứ chấp nhận; lập luận của nguyên đơn phù hợp với lời thừa nhận của bị đơn và chứng cứ đã giao nộp nên được chấp nhận.

[4] **Về tài liệu chứng cứ:** HĐXX xác định các tài liệu chứng cứ là bản chính, bản sao do nguyên đơn, bị đơn giao nộp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và lời thừa nhận của các đương sự với nhau phù hợp với quy định tại các Điều 92, 93, 94, 95, 96 BLTTDS là chứng cứ của vụ án.

[5] **Về phát biểu của Kiểm sát viên:**

Quan điểm cho rằng chưa làm rõ số cám, số tiền theo lời khai của các bên và số cám bị đơn thực nhận; thấy rằng:

Tại phiên hòa giải ngày 10/8/2020 bị đơn đã thống nhất với nguyên đơn về hợp đồng, ngày chốt sổ, số tiền còn nợ; riêng đợt mua cám từ ngày 06/3/2020 đến ngày 23/4/2020 (BL 33) bị đơn đã thống nhất tổng số cám đã mua là 500 bao (07 lần, gồm các ngày: 06/3, 12/3, 19/3, 01/4, 04/4, 10/4 và ngày 23/4/2020), loại

cám: Nhất A, giá cám: 305.000 đồng/bao. Việc nguyên đơn cho rằng giao 80 bao, nhận lại 20, sau đó giao bù 20 bao hay việc bị đơn cho rằng giao 100 bao, trả lại 20 bao, sau đó được giao bù 20 thì số cám trả và nhận lại không thay đổi và số cám bị đơn không trả lại thì đã sử dụng hết.

Việc bị đơn cho rằng ngày 23/4/2020 nhận 100 bao nhưng trừ đi 20 bao trước đó nguyên đơn thu lại, 80 bao bị đơn trả lại cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không trừ đi; việc bị đơn lập luận như vậy là mâu thuẫn với lời thừa nhận mua hàng 07 lần như nguyên đơn đã liệt kê và mâu thuẫn với chính lời khai của bị đơn ở bản tự khai (BL 26) và lời khai trước đó là số cám 20 bao trả lại nằm trong số 100 bao của ngày 10/4/2020.

Như vậy theo thừa nhận của bị đơn thì số cám bị đơn thực nhận là 500 bao; bị đơn cho rằng trả lại 80 bao nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và không có tài liệu chứng cứ chứng minh; do đó số cám bị đơn thực nhận từ nguyên đơn là 500 bao.

Vì vậy số cám, số tiền theo lời khai của các bên và số cám bị đơn thực nhận đã được làm rõ.

Ghi nhận các phát biểu khác của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B được chấp nhận toàn bộ nên bà C và ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.000.000 đồng (450.000.000 đồng x 5%)

-Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã tạm nộp là 11.450.000 đồng.

[6] **Về kháng cáo, kháng nghị:** Nguyên đơn, bị đơn và VKSND được quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 401, 430, 440, 463, 465, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự.
-khoản 3 Điều 26; các Điều 35, 39, 147, 200, 202, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Truyền A và bà Đỗ Thị Hồng B về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Huỳnh Thị Yến C và ông Trần Văn D.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Yến C và ông Trần Văn D phải trả cho ông Nguyễn Truyền A và bà Đỗ Thị Hồng B số tiền 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Yến C và ông Trần Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng);

Ông Nguyễn Truyền A và bà Đỗ Thị Hồng B không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả cho ông A, bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0000877 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ là 11.450.000đ (mười một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn và VKSND cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày; VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày **25/9/2020**);

5. Về thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-Lưu hồ sơ, VT;

Nguyễn Duy Đạt